TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2018
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đức V** *(tên khác: Phạm Văn V)*, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu dân cư L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Minh T trình bày: Chị và anh Phạm Đức V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa ngày 29/10/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường V, thành phố N. Quá trình chung sống, anh V đối xử ngược đãi với chị, nhiều lần chửi và đánh chị. Mặt khác, anh V còn chơi bời, tham gia cá độ dẫn tới nợ nần. Chị đã tha thứ và tạo điều kiện để anh V sống có trách nhiệm với gia đình hơn nhưng anh V không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay mà không có biện pháp khắc phục. Xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh V.

Chị và anh V có hai con chung là Phạm Đức Minh K- sinh ngày 22/9/2002 và Phạm Đức Quang M- sinh ngày 25/7/2006. Hiện cả hai con đang ở với chị. Chị

đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 2.000.000đ/2 cháu/1 tháng.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Phạm Đức V trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên thường xảy ra va chạm, to tiếng, mỗi người một ý, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Dù đã tìm nhiều biện pháp nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Anh về thành phố H sinh sống còn chị T vẫn ở tại thành phố N cho đến nay nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vì vậy anh nhất trí ly hôn với chị T.

Anh và chị T có hai con chung là Phạm Đức Minh K- sinh ngày 22/9/2002 và Phạm Đức Quang M- sinh ngày 25/7/2006. Hiện cả hai con đang ở với chị T. Anh nhất trí để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa: Anh V trình bày, sau khi vợ chồng ly thân anh đã chủ động quay vào thành phố N để đoàn tụ với chị T và đã nhờ bạn bè, gia đình hai bên tham gia, hòa giải cho vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được nên anh lại ra thành phố H sinh sống cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh nhất trí ly hôn chị T. Anh đồng ý để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T với mức 1.000.000đ/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các con chung thành niên. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội.

- Xử cho chị Đỗ Thị Minh T được ly hôn anh Phạm Đức V.

- Giao hai con chung là Phạm Đức Minh K và Phạm Đức Quang M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ/2 con/tháng cho đến khi các con thành niên.

- Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh V phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Minh T và anh Phạm Đức V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày anh V không tôn trọng chị và không có trách nhiệm với gia đình. Anh V xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người mỗi ý nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng, va chạm. Tuy nguyên nhân mỗi bên trình bày là khác nhau nhưng cả hai bên đương sự đều xác định cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay mà không có biện pháp khắc phục. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh V nhất trí ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh V có hai con chung là Phạm Đức Minh K- sinh ngày 22/9/2002 và Phạm Đức Quang M- sinh ngày 25/7/2006. Chị T và anh V đều trình bày giao hai con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/cháu/tháng. Xét cháu K, cháu M luôn sinh sống ổn định cùng chị T từ năm 2012 đến nay và chị T vẫn đảm bảo nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường. Mặt khác, hiện cả hai cháu đều có quan điểm xin được với chị T. Vì vậy cần giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và buộc anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ/cháu/tháng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các con chung thành niên.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh V phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Minh T và anh Phạm Đức V.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Phạm Đức Minh K- sinh ngày 22/9/2002 và Phạm Đức Quang M- sinh ngày 25/7/2006 cho chị Đỗ Thị Minh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Đức V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ/cháu/tháng *(một triệu đồng một cháu một tháng)* kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0007902 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Anh Phạm Đức V phải chịu 300.000đ án phí về việc cấp dưỡng.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang ;
- UBND phường V, thành phố N (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Quách Thị Phương Thúy